

BỘ CÔNG AN  
CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 400/TTr-CAT-PV01

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 10 năm 2024

### TỜ TRÌNH

V/v đề nghị UBND tỉnh ban hành Báo cáo tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an năm 2024

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 14536

ĐẾN 21-10-2024

Chuyển:

Kính gửi: Đồng chí Phạm Ngọc Nghị - Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Công văn số 9332/UBND-NC ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh về việc tham mưu thực hiện tự kiểm tra và gửi văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an, Công an tỉnh đã tham mưu xây dựng dự thảo Báo cáo tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an năm 2024 (gửi kèm theo).

Kính trình đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, duyệt ký ban hành. /*Cug*

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, PV01(Đ6).

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*Dum*  
Đại tá Trần Bình Hưng

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an năm 2024

Thực hiện Công văn số 3520/BCA-V03 ngày 07/10/2024 của Bộ Công an về việc thực hiện tự kiểm tra và gửi văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an, UBND tỉnh báo cáo kết quả như sau:

1. Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/10/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an, gồm:

- Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của HĐND tỉnh Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ ANTT và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024);

- Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (có hiệu lực kể từ ngày 10/8/2024);

- Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh (có hiệu lực kể từ ngày 24/10/2024);

- Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh (có hiệu lực kể từ ngày 24/10/2024).

2. Qua rà soát, có 10 văn bản QPPL và văn bản có chứa QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an còn hiệu lực thi hành, gồm:

- Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực;

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND tỉnh quy định về điều kiện diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; số lượng

phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh (hết hiệu lực một phần kể từ ngày 01/7/2024);

- Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của HĐND tỉnh Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ ANTT và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài tại tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh (có hiệu lực kể từ ngày 24/10/2024);

- Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh (có hiệu lực kể từ ngày 24/10/2024).

3. Trong kỳ báo cáo, có 04 văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh bị bãi bỏ, thay thế và hết hiệu lực một phần, gồm:

- Nghị quyết số 02/2019/NQ-NĐND ngày 10/7/2019 quy định mức phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (bị bãi bỏ toàn bộ bởi Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ ANTT và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

- Nghị quyết số 05/2022/NĐ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh quy định số lượng, mức phụ cấp đối với Công an xã bán chuyên trách tiếp tục được sử dụng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ sở khi Công an xã chuyển sang tổ chức Công an chính quy trên địa bàn tỉnh (bị bãi bỏ toàn bộ bởi Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của HĐND tỉnh).

- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng

dân phòng trên địa bàn tỉnh (bị bãi bỏ một phần tại Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của HĐND tỉnh).

- Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (bị bãi bỏ toàn bộ tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 24/10/2024).

3. Qua tự kiểm tra, không có văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với văn bản QPPL mới ban hành.

Trên đây là kết quả thực hiện tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an năm 2024, UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Cục V03-BCA;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK  
Số: **04** /2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Đắk Lắk, ngày **20** tháng 6 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

ANG NH

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự**

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Mỗi thôn, buôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

a) Thôn, buôn, tổ dân phố có quy mô dân số đến 2.000 người được bố trí 03 thành viên, gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 01 Tổ viên; trường hợp thôn, buôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự an toàn xã hội thì bố trí tối đa 05 thành viên, gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và tối đa 03 Tổ viên.

b) Thôn, buôn, tổ dân phố có quy mô dân số trên 2.000 người được bố trí 04 thành viên, gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 02 Tổ viên; trường hợp thôn, buôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự an toàn xã hội thì bố trí tối đa 06 thành viên, gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và tối đa 04 Tổ viên.

### **Điều 4. Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

1. Mức hỗ trợ hằng tháng

a) Tổ trưởng được hỗ trợ: 1.800.000 đồng/người/tháng.

- b) Tổ phó được hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng.
  - c) Tổ viên được hỗ trợ: 1.200.000 đồng/người/tháng.
2. Mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế
- a) Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 20% trên mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn.
  - b) Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế: 60% mức tối đa đóng bảo hiểm y tế của nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 13 Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).
  - c) Trường hợp đối tượng không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế thì không được hỗ trợ.

3. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc thực hiện công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động: Mức bồi dưỡng là 100.000 đồng/người/ngày nhưng không quá 10 ngày/người/tháng.

b) Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm bằng 50% mức hỗ trợ hằng tháng hiện hưởng/30 ngày x số ngày thực tế được điều động, huy động công tác.



4. Mức hỗ trợ cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

a) Mức hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh bằng 80% mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sĩ quan Công an nhân dân. Trong thời gian điều trị nội trú được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ nghĩa vụ Công an nhân dân.

b) Trường hợp đang điều trị nội trú nhưng hết thời gian làm nhiệm vụ thì được thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và tiền ăn hằng ngày nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu hết 15 ngày, bệnh vẫn chưa ổn định thì điều trị đến khi ổn định và được hỗ trợ thanh toán 80% tiền khám, chữa bệnh.

5. Mức trợ cấp cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ

a) Nếu bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động 5% thì được trợ cấp 3.000.000 đồng; sau đó, cứ suy giảm 1% thì được cộng thêm 300.000 đồng. Trường hợp bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên thì được trợ cấp 30.000.000 đồng.

b) Trường hợp người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn dẫn đến chết khi thực hiện nhiệm vụ thì thân nhân được hưởng trợ cấp như sau: trợ cấp một lần mai táng phí bằng 11.000.000 đồng; trợ cấp một lần tiền tuất bằng 05 (năm) lần mức hỗ trợ hàng tháng hiện hưởng của người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị tai nạn dẫn đến chết.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Ngân sách tỉnh bảo đảm nội dung hỗ trợ tại khoản 1, 2 Điều 4 của Nghị quyết.

3. Ngân sách cấp huyện, cấp xã bảo đảm nội dung hỗ trợ, bồi dưỡng tại khoản 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị quyết.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười Ba thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, gồm: Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND

ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định số lượng, mức phụ cấp đối với Công an xã bán chuyên trách tiếp tục được sử dụng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Bãi bỏ nội dung về mức hỗ trợ hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại điểm a khoản 1 Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công an, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Công an, Tài chính, Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- TT. HĐND, UBND xã, phường, thị trấn (HĐND, UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.



**Huỳnh Thị Chiến Hòa**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 7 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 4 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 311/TTr-CAT ngày 29 tháng 7 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

##### 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

#### Điều 2. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: 2.199 Tổ, tương đương 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đối với từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh bố trí theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định

này. Việc bố trí thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thực hiện theo lộ trình và không vượt quá tổng số thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự của đơn vị hành chính cấp xã.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng cụ thể thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở từng thôn, buôn, tổ dân phố phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu thực tiễn.

4. Số liệu quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú) đến ngày 31 tháng 12 hàng năm để xác định số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thực hiện theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp có sự điều chỉnh tăng, giảm số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định tại Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở năm 2023 thì Công an tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Việc giảm số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thực hiện theo lộ trình và phù hợp yêu cầu thực tiễn.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2024.
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**Phụ lục****SỐ LƯỢNG TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ ĐỐI VỚI TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK***(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

| STT       | Đơn vị hành chính cấp xã       | Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự | Số lượng thành viên Tổ bảo vệ, an ninh trật tự |           |        |         |
|-----------|--------------------------------|-------------------------------------|--|-----------|--------|---------|
|           |                                |                                     | Tổng số  | Tổ trưởng | Tổ phó | Tổ viên |
| <b>I</b>  | <b>Thành phố Buôn Ma Thuột</b> |                                     |  |           |        |         |
| 1         | Phường Tân Tiến                | 13                                  | 66   | 13        | 13     | 40      |
| 2         | Phường Khánh Xuân              | 16                                  | 53   | 16        | 16     | 21      |
| 3         | Phường Thống Nhất              | 7                                   | 21   | 7         | 7      | 7       |
| 4         | Phường Tân Lập                 | 12                                  | 41   | 12        | 12     | 17      |
| 5         | Phường Ea Tam                  | 11                                  | 41   | 11        | 11     | 19      |
| 6         | Phường Tự An                   | 12                                  | 42   | 12        | 12     | 18      |
| 7         | Phường Thắng Lợi               | 7                                   | 22   | 7         | 7      | 8       |
| 8         | Phường Tân Thành               | 13                                  | 43   | 13        | 13     | 17      |
| 9         | Phường Tân Lợi                 | 17                                  | 58   | 17        | 17     | 24      |
| 10        | Phường Thành Công              | 13                                  | 42   | 13        | 13     | 16      |
| 11        | Phường Tân Hòa                 | 10                                  | 34   | 10        | 10     | 14      |
| 12        | Phường Tân An                  | 12                                  | 41   | 12        | 12     | 17      |
| 13        | Phường Thành Nhất              | 8                                   | 30   | 8         | 8      | 14      |
| 14        | Xã Hòa Thuận                   | 8                                   | 27   | 8         | 8      | 11      |
| 15        | Xã Hòa Phú                     | 15                                  | 46   | 15        | 15     | 16      |
| 16        | Xã Cư Êbur                     | 7                                   | 40   | 7         | 7      | 26      |
| 17        | Xã Ea Tu                       | 12                                  | 64   | 12        | 12     | 40      |
| 18        | Xã Hòa Xuân                    | 8                                   | 24   | 8         | 8      | 8       |
| 19        | Xã Ea Kao                      | 14                                  | 73   | 14        | 14     | 45      |
| 20        | Xã Hòa Thắng                   | 11                                  | 61   | 11        | 11     | 39      |
| 21        | Xã Hòa Khánh                   | 20                                  | 100  | 20        | 20     | 60      |
| <b>II</b> | <b>Thị xã Buôn Hồ</b>          |                                     |  |           |        |         |
| 22        | Phường Đạt Hiếu                | 7                                   | 21   | 7         | 7      | 7       |
| 23        | Phường An Bình                 | 8                                   | 25   | 8         | 8      | 9       |
| 24        | Phường An Lạc                  | 9                                   | 27   | 9         | 9      | 9       |

|            |                       |    |     |    |    |    |
|------------|-----------------------|----|-----|----|----|----|
| 25         | Phường Thiện An       | 8  | 24  | 8  | 8  | 8  |
| 26         | Phường Đoàn Kết       | 4  | 12  | 4  | 4  | 4  |
| 27         | Phường Thống Nhất     | 10 | 32  | 10 | 10 | 12 |
| 28         | Phường Bình Tân       | 5  | 25  | 5  | 5  | 15 |
| 29         | Xã Cư Bao             | 18 | 90  | 18 | 18 | 54 |
| 30         | Xã Bình Thuận         | 22 | 66  | 22 | 22 | 22 |
| 31         | Xã Ea Siên            | 8  | 24  | 8  | 8  | 8  |
| 32         | Xã Ea Drông           | 19 | 95  | 19 | 19 | 57 |
| 33         | Xã Ea Blang           | 5  | 15  | 5  | 5  | 5  |
| <b>III</b> | <b>Huyện Cư Kuin</b>  |    |     |    |    |    |
| 34         | Xã Ea Ktur            | 19 | 95  | 19 | 19 | 57 |
| 35         | Xã Ea Tiêu            | 21 | 107 | 21 | 21 | 65 |
| 36         | Xã Ea Bhôk            | 17 | 87  | 17 | 17 | 53 |
| 37         | Xã Dray Bhang         | 5  | 29  | 5  | 5  | 19 |
| 38         | Xã Cư Êwi             | 9  | 27  | 9  | 9  | 9  |
| 39         | Xã Hòa Hiệp           | 8  | 26  | 8  | 8  | 10 |
| 40         | Xã Ea Ning            | 15 | 45  | 15 | 15 | 15 |
| 41         | Xã Ea Hu              | 8  | 27  | 8  | 8  | 11 |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Ea H'Leo</b> |    |     |    |    |    |
| 42         | Thị trấn Ea Drăng     | 16 | 50  | 16 | 16 | 18 |
| 43         | Xã Ea Tir             | 8  | 40  | 8  | 8  | 24 |
| 44         | Xã Ea H'Leo           | 15 | 75  | 15 | 15 | 45 |
| 45         | Xã Ea Sol             | 19 | 95  | 19 | 19 | 57 |
| 46         | Xã Cư A Mung          | 7  | 35  | 7  | 7  | 21 |
| 47         | Xã Ea Khal            | 12 | 60  | 12 | 12 | 36 |
| 48         | Xã Cư Mốt             | 11 | 33  | 11 | 11 | 11 |
| 49         | Xã Ea Wy              | 18 | 54  | 18 | 18 | 18 |
| 50         | Xã Ea Ral             | 14 | 70  | 14 | 14 | 42 |
| 51         | Xã Ea Nam             | 19 | 95  | 19 | 19 | 57 |
| 52         | Xã Dliê Yang          | 16 | 80  | 16 | 16 | 48 |
| 53         | Xã Ea Hiao            | 21 | 105 | 21 | 21 | 63 |
| <b>V</b>   | <b>Huyện Lắk</b>      |    |     |    |    |    |
| 54         | Thị trấn Liên Sơn     | 10 | 30  | 10 | 10 | 10 |
| 55         | Xã Đăk Liêng          | 18 | 90  | 18 | 18 | 54 |
| 56         | Xã Buôn Tría          | 8  | 24  | 8  | 8  | 8  |

|             |                         |    |    |    |    |    |
|-------------|-------------------------|----|----|----|----|----|
| 57          | Xã Buôn Triết           | 12 | 60 | 12 | 12 | 36 |
| 58          | Xã Bông Krang           | 11 | 55 | 11 | 11 | 33 |
| 59          | Xã Yang Tao             | 10 | 50 | 10 | 10 | 30 |
| 60          | Xã Đăk Nuê              | 10 | 50 | 10 | 10 | 30 |
| 61          | Xã Đăk Phơi             | 9  | 45 | 9  | 9  | 27 |
| 62          | Xã Krông Nô             | 13 | 65 | 13 | 13 | 39 |
| 63          | Xã Nam Ka               | 4  | 20 | 4  | 4  | 12 |
| 64          | Xã Ea Rbin              | 4  | 20 | 4  | 4  | 12 |
| <b>VI</b>   | <b>Huyện Krông Ana</b>  |    |    |    |    |    |
| 65          | Thị trấn Buôn Trấp      | 15 | 82 | 15 | 15 | 52 |
| 66          | Xã Dray Sáp             | 8  | 41 | 8  | 8  | 25 |
| 67          | Xã Ea Na                | 12 | 60 | 12 | 12 | 36 |
| 68          | Xã Ea Bông              | 13 | 65 | 13 | 13 | 39 |
| 69          | Xã Băng Adrênh          | 6  | 30 | 6  | 6  | 18 |
| 70          | Xã Bình Hòa             | 7  | 21 | 7  | 7  | 7  |
| 71          | Xã Quảng Điền           | 4  | 14 | 4  | 4  | 6  |
| 72          | Xã Dul Kmăl             | 7  | 36 | 7  | 7  | 22 |
| <b>VII</b>  | <b>Huyện Krông Bông</b> |    |    |    |    |    |
| 73          | Thị trấn Krông Kmar     | 7  | 21 | 7  | 7  | 7  |
| 74          | Xã Yang Reh             | 7  | 35 | 7  | 7  | 21 |
| 75          | Xã Ea Trul              | 9  | 45 | 9  | 9  | 27 |
| 76          | Xã Hòa Sơn              | 15 | 75 | 15 | 15 | 45 |
| 77          | Xã Khuê Ngọc Điền       | 12 | 36 | 12 | 12 | 12 |
| 78          | Xã Hòa Tân              | 6  | 18 | 6  | 6  | 6  |
| 79          | Xã Hòa Thành            | 6  | 18 | 6  | 6  | 6  |
| 80          | Xã Cư Kty               | 8  | 24 | 8  | 8  | 8  |
| 81          | Xã Dang Kang            | 8  | 24 | 8  | 8  | 8  |
| 82          | Xã Hòa Lễ               | 11 | 33 | 11 | 11 | 11 |
| 83          | Xã Hòa Phong            | 12 | 60 | 12 | 12 | 36 |
| 84          | Xã Cư Pui               | 13 | 67 | 13 | 13 | 41 |
| 85          | Xã Cư Đrăm              | 12 | 60 | 12 | 12 | 36 |
| 86          | Xã Yang Mao             | 7  | 35 | 7  | 7  | 21 |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Krông Búk</b>  |    |    |    |    |    |
| 87          | Thị trấn Pong Drang     | 20 | 60 | 20 | 20 | 20 |
| 88          | Xã Tân Lập              | 8  | 24 | 8  | 8  | 8  |

|           |                         |    |     |    |    |    |
|-----------|-------------------------|----|-----|----|----|----|
| 89        | Xã Cư Pong              | 17 | 85  | 17 | 17 | 51 |
| 90        | Xã Ea Sin               | 7  | 35  | 7  | 7  | 21 |
| 91        | Xã Ea Ngai              | 6  | 18  | 6  | 6  | 6  |
| 92        | Xã Cư Né                | 21 | 105 | 21 | 21 | 63 |
| 93        | Xã Chứ K'Bô             | 18 | 90  | 18 | 18 | 54 |
| <b>IX</b> | <b>Huyện Krông Năng</b> |    |     |    |    |    |
| 94        | Thị trấn Krông Năng     | 11 | 33  | 11 | 11 | 11 |
| 95        | Xã Ea Tóh               | 18 | 54  | 18 | 18 | 18 |
| 96        | Xã Phú Xuân             | 28 | 84  | 28 | 28 | 28 |
| 97        | Xã Phú Lộc              | 15 | 45  | 15 | 15 | 15 |
| 98        | Xã Ea Puk               | 7  | 21  | 7  | 7  | 7  |
| 99        | Xã Ea Tam               | 16 | 80  | 16 | 16 | 48 |
| 100       | Xã Cư Klông             | 8  | 24  | 8  | 8  | 8  |
| 101       | Xã DLiê Ya              | 23 | 115 | 23 | 23 | 69 |
| 102       | Xã Ea Tân               | 16 | 48  | 16 | 16 | 16 |
| 103       | Xã Ea Hồ                | 14 | 70  | 14 | 14 | 42 |
| 104       | Xã Tam Giang            | 10 | 30  | 10 | 10 | 10 |
| 105       | Xã Ea Dăh               | 11 | 33  | 11 | 11 | 11 |
| <b>X</b>  | <b>Huyện M'Drăk</b>     |    |     |    |    |    |
| 106       | Thị trấn M'Drăk         | 8  | 40  | 8  | 8  | 24 |
| 107       | Xã Ea Lai               | 7  | 21  | 7  | 7  | 7  |
| 108       | Xã Cư Prao              | 12 | 36  | 12 | 12 | 12 |
| 109       | Xã Ea H'Mlây            | 6  | 18  | 6  | 6  | 6  |
| 110       | Xã Krông Jing           | 17 | 85  | 17 | 17 | 51 |
| 111       | Xã Ea Trang             | 10 | 50  | 10 | 10 | 30 |
| 112       | Xã Cư M'Ta              | 11 | 55  | 11 | 11 | 33 |
| 113       | Xã Ea Riêng             | 10 | 30  | 10 | 10 | 10 |
| 114       | Xã Cư San               | 12 | 60  | 12 | 12 | 36 |
| 115       | Xã Krông Á              | 7  | 35  | 7  | 7  | 21 |
| 116       | Xã Cư Króa              | 5  | 25  | 5  | 5  | 15 |
| 117       | Xã Ea M'Doal            | 8  | 24  | 8  | 8  | 8  |
| 118       | Xã Ea Pil               | 8  | 24  | 8  | 8  | 8  |
| <b>XI</b> | <b>Huyện Buôn Đôn</b>   |    |     |    |    |    |
| 119       | Xã Ea Bar               | 19 | 95  | 19 | 19 | 57 |
| 120       | Xã Cuôr Knia            | 13 | 39  | 13 | 13 | 13 |

|             |                       |    |     |    |    |    |
|-------------|-----------------------|----|-----|----|----|----|
| 121         | Xã Tân Hòa            | 15 | 45  | 15 | 15 | 15 |
| 122         | Xã Ea Nuôl            | 14 | 70  | 14 | 14 | 42 |
| 123         | Xã Ea Wer             | 11 | 55  | 11 | 11 | 33 |
| 124         | Xã Ea Huar            | 7  | 21  | 7  | 7  | 7  |
| 125         | Xã Krông Na           | 8  | 40  | 8  | 8  | 24 |
| <b>XII</b>  | <b>Huyện Ea Kar</b>   |    |     |    |    |    |
| 126         | Thị trấn Ea Kar       | 16 | 48  | 16 | 16 | 16 |
| 127         | Thị trấn Ea Knốp      | 12 | 36  | 12 | 12 | 12 |
| 128         | Xã Ea Đar             | 19 | 96  | 19 | 19 | 58 |
| 129         | Xã Cư Ni              | 22 | 110 | 22 | 22 | 66 |
| 130         | Xã Ea Tíh             | 13 | 39  | 13 | 13 | 13 |
| 131         | Xã Ea Sar             | 13 | 65  | 13 | 13 | 39 |
| 132         | Xã Ea Sô              | 7  | 35  | 7  | 7  | 21 |
| 133         | Xã Cư Huê             | 16 | 80  | 16 | 16 | 48 |
| 134         | Xã Xuân Phú           | 10 | 30  | 10 | 10 | 10 |
| 135         | Xã Ea Kmút            | 15 | 45  | 15 | 15 | 15 |
| 136         | Xã Ea Ô               | 19 | 57  | 19 | 19 | 19 |
| 137         | Xã Cư Elang           | 11 | 55  | 11 | 11 | 33 |
| 138         | Xã Ea Păl             | 12 | 36  | 12 | 12 | 12 |
| 139         | Xã Cư Yang            | 14 | 42  | 14 | 14 | 14 |
| 140         | Xã Cư Bông            | 12 | 60  | 12 | 12 | 36 |
| 141         | Xã Cư Prông           | 9  | 27  | 9  | 9  | 9  |
| <b>XIII</b> | <b>Huyện Cư M'gar</b> |    |     |    |    |    |
| 142         | Thị trấn Quảng Phú    | 9  | 31  | 9  | 9  | 13 |
| 143         | Thị trấn Ea Pốk       | 12 | 41  | 12 | 12 | 17 |
| 144         | Xã Cư Suê             | 10 | 50  | 10 | 10 | 30 |
| 145         | Xã Ea M'ngang         | 8  | 25  | 8  | 8  | 9  |
| 146         | Xã Quảng Tiến         | 6  | 18  | 6  | 6  | 6  |
| 147         | Xã Quảng Hiệp         | 12 | 37  | 12 | 12 | 13 |
| 148         | Xã Cư M'gar           | 11 | 55  | 11 | 11 | 33 |
| 149         | Xã Ea M'Droh          | 10 | 50  | 10 | 10 | 30 |
| 150         | Xã Ea H'đing          | 8  | 42  | 8  | 8  | 26 |
| 151         | Xã Ea Kiệt            | 13 | 65  | 13 | 13 | 39 |
| 152         | Xã Ea Tar             | 10 | 50  | 10 | 10 | 30 |
| 153         | Xã Ea Kuêh            | 11 | 55  | 11 | 11 | 33 |

|                  |                        |              |              |              |              |              |
|------------------|------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| 154              | Xã Cư Diê M' nông      | 14           | 42           | 14           | 14           | 14           |
| 155              | Xã Ea Tul              | 11           | 57           | 11           | 11           | 35           |
| 156              | Xã Ea Kpam             | 7            | 35           | 7            | 7            | 21           |
| 157              | Xã Ea Drong            | 13           | 66           | 13           | 13           | 40           |
| 158              | Xã Cuôr Đăng           | 6            | 33           | 6            | 6            | 21           |
| <b>XIV</b>       | <b>Huyện Krông Pắc</b> |              |              |              |              |              |
| 159              | Thị trấn Phước An      | 13           | 42           | 13           | 13           | 16           |
| 160              | Xã Hòa Đông            | 18           | 90           | 18           | 18           | 54           |
| 161              | Xã Ea Knuéc            | 14           | 70           | 14           | 14           | 42           |
| 162              | Xã Ea Kênh             | 14           | 42           | 14           | 14           | 14           |
| 163              | Xã Ea Yông             | 20           | 100          | 20           | 20           | 60           |
| 164              | Xã Vụ Bồn              | 19           | 97           | 19           | 19           | 59           |
| 165              | Xã Ea Kly              | 24           | 72           | 24           | 24           | 24           |
| 166              | Xã Krông Búk           | 24           | 72           | 24           | 24           | 24           |
| 167              | Xã Ea Phê              | 29           | 145          | 29           | 29           | 87           |
| 168              | Xã Ea Kuăng            | 13           | 39           | 13           | 13           | 13           |
| 169              | Xã Ea Hiu              | 11           | 55           | 11           | 11           | 33           |
| 170              | Xã Hòa An              | 18           | 54           | 18           | 18           | 18           |
| 171              | Xã Ea Yiêng            | 5            | 16           | 5            | 5            | 6            |
| 172              | Xã Ea Uy               | 9            | 27           | 9            | 9            | 9            |
| 173              | Xã Tân Tiến            | 11           | 33           | 11           | 11           | 11           |
| 174              | Xã Hòa Tiến            | 7            | 21           | 7            | 7            | 7            |
| <b>XV</b>        | <b>Huyện Ea Súp</b>    |              |              |              |              |              |
| 175              | Thị trấn Ea Súp        | 8            | 24           | 8            | 8            | 8            |
| 176              | Xã Cư M' Lan           | 19           | 95           | 19           | 19           | 57           |
| 177              | Xã Ea Lê               | 6            | 30           | 6            | 6            | 18           |
| 178              | Xã Ea Bung             | 8            | 24           | 8            | 8            | 8            |
| 179              | Xã Ia Jloi             | 11           | 57           | 11           | 11           | 35           |
| 180              | Xã Cư Kbang            | 12           | 36           | 12           | 12           | 12           |
| 181              | Xã Ia Rvê              | 6            | 18           | 6            | 6            | 6            |
| 182              | Xã Ya Tờ Mốt           | 15           | 75           | 15           | 15           | 45           |
| 183              | Xã Ea Rók              | 12           | 60           | 12           | 12           | 36           |
| 184              | Xã Ia Lóp              | 19           | 57           | 19           | 19           | 19           |
| <b>Tổng cộng</b> |                        | <b>2.199</b> | <b>9.055</b> | <b>2.199</b> | <b>2.199</b> | <b>4.657</b> |

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số: 359 /TTr-CAT-PC07, ngày 23/9/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024.

Nơi nhận: *Đều*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- UBND các huyện, TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND các huyện, TX, TP sao y gửi);
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Nguyễn Tiến Dũng);
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (w.30b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten Signature]*

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **38** /2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **14** tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý, sử dụng con dấu; Nghị định số 137/2023/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng pháo;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ*

trường Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Đắk Lắk tại Tờ trình số: 342/TTr-CAT-PC06 ngày 04/9/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương; Thông tin và Truyền thông; Y tế; Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài chính; Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /<sup>12</sup>

Nơi nhận: *Như*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- UBND các huyện, TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND các huyện, TX, TP sao y gửi);
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Nguyễn Tiến Dũng);
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (w.30b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

## QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 38 /2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về mục đích, nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (sau đây viết tắt là ANTT) hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

##### 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan đến việc thành lập, cấp phép, đăng ký, quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

#### Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT tại địa phương theo hướng:

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý Nhà nước đối với cơ sở kinh doanh;
- Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý Nhà nước đối với cơ sở kinh doanh;
- Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với cơ sở kinh doanh.

2. Phản ánh kịp thời và chính xác các thông tin về hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh; cung cấp thông tin về cơ sở kinh doanh cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời những cơ sở kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do hoạt động của cơ sở kinh doanh gây ra cho xã hội.

4. Đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn tỉnh phát triển phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Công tác phối hợp phải tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước; các quy định của tỉnh trong công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

2. Công tác phối hợp quản lý giữa các cơ quan liên quan phải dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Các cơ quan chủ động giải quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan.

3. Công tác phối hợp phải được thực hiện thường xuyên, liên tục; phát huy tính chủ động của cơ quan, đơn vị đảm bảo sự chặt chẽ và kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ và cản trở hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Việc trao đổi, cung cấp thông tin về cơ sở kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời; yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý Nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu; việc sử dụng thông tin phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT phải đảm bảo chính xác, khách quan, dân chủ, kịp thời; phải xây dựng kế hoạch cụ thể; đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về nội dung, không gây khó khăn, phiền hà cho cơ sở kinh doanh; các trường hợp vi phạm pháp luật phải được xử lý đúng, kịp thời theo quy định. Trường hợp đột xuất theo sự chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm cần kiểm tra phục vụ công tác quản lý Nhà nước, cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra theo quy định.

#### **Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT cho các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT giữa các cơ quan quản lý Nhà nước tham gia thực hiện Quy chế này.
3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT.
4. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả công tác phối hợp, rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp quản lý Nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.
5. Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn tỉnh; đề xuất, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

### **Chương II HÌNH THỨC PHỐI HỢP**

#### **Điều 5. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật có liên quan về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT**

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có chức năng quản lý Nhà nước liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT cung cấp các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh lên website của đơn vị (*văn bản hết hiệu lực, văn bản đang áp dụng, văn bản mới, quy định xử phạt*) và có văn bản thông báo cho các cơ sở kinh doanh biết và thực hiện.
2. Công an tỉnh cung cấp các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để kịp thời tuyên truyền, phổ biến cho tổ chức, công dân biết thực hiện.

### **Điều 6. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin**

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện cung cấp thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký cấp các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực chuyên ngành (bao gồm các thông tin về cơ sở kinh doanh, người đại diện theo pháp luật, nội dung đăng ký cấp mới, đổi, lại, thu hồi, tạm ngừng, giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép kinh doanh ...) và thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT đã bị cơ quan có chức năng xử lý về Công an tỉnh.

2. Công an tỉnh cung cấp danh sách các cơ sở kinh doanh đã được cấp, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT cho các sở, ban, ngành (*theo từng lĩnh vực chuyên ngành*) và UBND cấp huyện nơi cơ sở kinh doanh đăng ký hoạt động.

3. Trường hợp cần thông tin, tài liệu phục vụ công tác quản lý cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh, các cơ quan phối hợp trao đổi, cung cấp theo yêu cầu của cơ quan đề nghị. Nếu từ chối cung cấp thông tin, cơ quan được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

### **Điều 7. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan đến việc thành lập, cấp phép, đăng ký, quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin của tổ chức, cá nhân hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thông qua trang thông tin điện tử và hộp thư điện tử của từng cơ quan, trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

2. Trường hợp có sự cố kỹ thuật không cung cấp thông tin qua mạng điện tử hoặc hộp thư điện tử thì việc trao đổi, cung cấp thông tin được thực hiện bằng văn bản.

### **Điều 8. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm giám sát và giải quyết khiếu nại tố cáo**

1. Tổ chức thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT nhằm phát hiện, xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật, bên chủ trì vụ việc có yêu cầu lực lượng phối hợp tham gia thì gửi yêu cầu bằng văn bản; đơn vị nhận được yêu cầu phối hợp phải có trách nhiệm bố trí lực lượng tham gia đoàn kiểm tra theo quy định.

### 3. Phối hợp xử lý vi phạm

a) Khi phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin cơ sở kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin có trách nhiệm xác minh, xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì chuyển đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan chức năng thường xuyên trao đổi thông tin về việc cơ sở kinh doanh có dấu hiệu vi phạm đến các cơ quan chức năng có liên quan để chủ động, phối hợp tiến hành xử lý vi phạm của cơ sở kinh doanh.

## **Chương III** **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

### **Điều 9. Công an tỉnh**

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thống nhất và triển khai, thực hiện công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn tỉnh.

2. Áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ trong công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý đối với các cơ sở kinh doanh và các hành vi lợi dụng việc hoạt động kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT để vi phạm pháp luật.

3. Thẩm duyệt, nghiệm thu, xác nhận điều kiện về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT; tuyên truyền, huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phê duyệt, thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

4. Hướng dẫn và tập huấn công tác đảm bảo ANTT cho các cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cho người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

5. Hướng dẫn thống nhất việc thẩm định hồ sơ trước khi cấp, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT; thực hiện chế độ hậu kiểm đối với cơ sở kinh doanh thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra cơ sở kinh doanh theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý vi phạm về ANTT đối với các cơ sở kinh doanh theo quy định.

7. Sơ kết, tổng kết việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về công tác đảm bảo ANTT đối với hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

8. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

#### **Điều 10. Sở Công Thương**

1. Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong công tác quản lý nhà nước các doanh nghiệp sản xuất rượu, bán buôn rượu, kinh doanh khí, khí thiên nhiên hóa lỏng và khí thiên nhiên nén, trạm nạp LPG/LNG/CNG vào chai/vào xe bồn, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người quản lý, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng có liên quan vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

3. Định kỳ, hàng quý (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) cung cấp danh sách khi có yêu cầu đối với các cơ sở, doanh nghiệp có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trên địa bàn tỉnh về Công an tỉnh để phối hợp quản lý theo quy định.

4. Phối hợp, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT và cơ sở hoạt động trá hình khi có yêu cầu.

#### **Điều 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Cấp, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định. Sau khi nhận được văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện

kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định.

2. Hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT chủ động liên hệ với cơ quan Công an có thẩm quyền lập hồ sơ, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT trước khi hoạt động kinh doanh.

3. Thường xuyên, kịp thời thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp qua Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Định kỳ trước ngày 15 hàng tháng cập nhật, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp về thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, tạm ngừng, giải thể của tháng trước trên Cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tra cứu, tham khảo về thông tin doanh nghiệp; đồng thời thực hiện công bố thông tin về tình trạng hoạt động doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Phối hợp, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT khi có yêu cầu.

## **Điều 12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh lập, phê duyệt quy hoạch hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; xếp hạng sao cho các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch; công nhận cơ sở dịch vụ đạt chuẩn phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các cơ sở chấp hành nghiêm quy định của pháp luật; kiên quyết không cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh cho các cơ sở không đảm bảo những điều kiện theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và công tác cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và xử lý đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT thực hiện các quy định về biển hiệu, bảng hiệu.

5. Định kỳ hàng quý (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) báo cáo đánh giá công tác quản lý đối với các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường, quán bar có sử dụng nhạc mạnh để xác định số cơ sở có phép, không phép và cơ sở hoạt động trá hình; công tác quản lý, tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đã được xếp hạng, công nhận theo quy định của pháp luật theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về Công an tỉnh để phối hợp quản lý theo quy định.

6. Phối hợp, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT và cơ sở hoạt động trá hình khi có yêu cầu.

### **Điều 13. Sở Y tế**

1. Cấp mới, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với phòng khám chuyên khoa Tạo hình - Thẩm mỹ theo quy định của Luật Khám, chữa bệnh ngày 09/01/2023; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám, chữa bệnh; Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám, chữa bệnh và các văn bản khác có liên quan.

2. Phối hợp kiểm tra hoạt động khám sức khỏe/khám sức khỏe định kỳ, kết luận, phân loại sức khỏe đối với nhân viên cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage) của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khi có yêu cầu.

3. Định kỳ hàng quý (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) cung cấp danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ hoạt động theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và các cơ sở bị thu hồi giấy phép hoạt động trên địa bàn tỉnh về Công an tỉnh để phối hợp quản lý theo quy định.

4. Phối hợp, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT và cơ sở hoạt động trá hình khi có yêu cầu.

5. Phối hợp tham gia giám sát việc đào tạo cấp chứng chỉ nghề và giấy chứng nhận đào tạo nghề đối với các cơ sở giáo dục nghề cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đào tạo nghề dịch vụ xoa bóp (massage), phun xăm thẩm mỹ...

#### **Điều 14. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### **Điều 15. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Thường xuyên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm các quy định, chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn mại dâm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ để bị lợi dụng để hoạt động mại dâm theo quy định.

3. Tiếp nhận hồ sơ và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lao động theo đề nghị của cơ quan phát hiện vi phạm.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Đội kiểm tra liên ngành 178 của các huyện, thị xã, thành phố.

5. Phối hợp các ngành liên quan để nắm bắt thông tin, tình hình các vụ việc xảy ra trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện về ANTT liên quan đến tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức hoạt động mại dâm.

6. Kịp thời nắm bắt thông tin, hỗ trợ nạn nhân mua bán người và người bán dâm phát hiện trong cơ sở kinh doanh dịch vụ để tiếp cận, tư vấn các dịch vụ xã hội giúp họ ổn định cuộc sống và không tái phạm.

7. Phối hợp, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT khi có yêu cầu.

#### **Điều 16. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Cấp các loại Giấy phép liên quan đến hoạt động in và in xuất bản phẩm theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động in cho các doanh nghiệp, cơ sở in ấn, dịch vụ photocopy trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tăng cường tuyên truyền các quy định của pháp luật về hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT nhằm nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác, tinh thần trách nhiệm của quần chúng nhân dân trong phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

4. Định kỳ hàng quý (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) cung cấp thông tin về tình hình hoạt động in, photocopy; công tác quản lý Nhà nước về hoạt động in, photocopy trên địa bàn tỉnh về Công an tỉnh để phối hợp quản lý theo quy định.

5. Phối hợp tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra hoạt động của cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT khi có yêu cầu.

#### **Điều 17. Sở Tư pháp**

1. Phối hợp các sở, ban, ngành trong công tác rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

#### **Điều 18. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với tất cả các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn.

2. Phối hợp chặt chẽ trong hướng dẫn hồ sơ, thủ tục, trong thẩm định các điều kiện kinh doanh, các điều kiện về ANTT và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh hoạt động ngành, nghề này.

3. UBND các xã, phường, thị trấn thẩm duyệt, nghiệm thu, xác nhận điều kiện về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT theo thẩm quyền; phối hợp các phòng, ban có liên quan tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về ANTT; phòng ngừa phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động của các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

4. Phối hợp tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra hoạt động của cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT và cơ sở hoạt động trá hình khi có yêu cầu.

## Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 19. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Giao Công an tỉnh là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu, giúp UBND tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này; định kỳ 01 năm hoặc đột xuất phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, đánh giá các khó khăn, vướng mắc, các kiến nghị, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội của các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo thống nhất, không chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn.

2. Các cơ quan tham gia Quy chế, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các đơn vị cấp huyện thuộc ngành thực hiện Quy chế phối hợp.

### Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trường hợp các văn bản viện dẫn thực hiện tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc không phù hợp với thực tế, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Công an tỉnh) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 10 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số: 359 /TTr-CAT-PC07, ngày 23/9/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.


**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024.

Nơi nhận: *Kể*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- UBND các huyện, TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND các huyện, TX, TP sao y gửi);
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Nguyễn Tiến Dũng);
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (w.30b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Phạm Ngọc Nghị*

Phạm Ngọc Nghị

## QUY ĐỊNH

Về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã  
trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **37** /2024/QĐ-UBND ngày **14**/10/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương); các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây viết tắt là PCCC và CNCH) trên địa bàn tỉnh.
- Nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

##### Điều 3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Xác định trách nhiệm phải dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, giới hạn cụ thể và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; trên cơ sở Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

2. Trong trường hợp đã làm hết trách nhiệm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn, tổ chức thực hiện công tác PCCC và CNCH thì được xem xét trong việc xử lý trách nhiệm.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện công tác PCCC và CNCH là một trong những căn cứ đánh giá phân loại cán bộ, công chức, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, cháy gây thiệt hại nghiêm trọng là cháy gây thiệt hại thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Gây thiệt hại tài sản từ 3 tỷ đồng trở lên.
2. Làm chết từ 1 người trở lên hoặc làm bị thương nặng từ 3 người trở lên hoặc làm bị thương nặng 2 người và bị thương nhẹ từ 3 người trở lên hoặc làm bị thương nặng 1 người và bị thương nhẹ từ 6 người trở lên hoặc làm bị thương nhẹ từ 9 người trở lên.
3. Trường hợp vụ cháy vừa gây thiệt hại về người và tài sản thì tính tỷ lệ tương đương của 02 mức trên.

### **Chương II**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

#### **Điều 5. Trách nhiệm chung**

1. Ban hành theo thẩm quyền nội quy, biện pháp và các quy định về PCCC và CNCH trong phạm vi quản lý và thẩm quyền của mình; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về PCCC và CNCH; chỉ đạo, xây dựng và duy trì phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH theo thẩm quyền.
2. Đề nghị Cơ quan Công an hoặc cơ sở có chức năng huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.
3. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC.
4. Chỉ đạo việc đầu tư, bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC và CNCH, sử dụng kinh phí PCCC và CNCH đúng mục đích; trang bị và duy trì hoạt động của dụng cụ, phương tiện PCCC và CNCH theo quy định.
5. Thành lập, ban hành quy chế hoạt động, bảo đảm kinh phí, các điều kiện cần thiết và duy trì hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.
6. Chuẩn bị các điều kiện phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; chỉ đạo tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả vụ cháy, sự cố, tai nạn theo thẩm quyền; thực hiện điều động lực lượng, phương tiện chữa cháy và cứu

nạn, cứu hộ trong phạm vi quản lý của mình; xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ.

7. Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về PCCC và CNCH theo quy định.

8. Thực hiện quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

### **Điều 6. Công an tỉnh**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy

Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Luật PCCC; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2024; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024; Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; trong đó trọng tâm:

a) Xây dựng và thực hiện các giải pháp, kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn PCCC.

b) Trong phạm vi quản lý và thẩm quyền của mình ban hành quy định về PCCC và CNCH theo quy định pháp luật.

c) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về PCCC; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, hướng dẫn kỹ năng, kiến thức về PCCC, chỉ đạo việc xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC.

d) Thực hiện công tác quản lý về PCCC đối với phương tiện giao thông cơ giới và cơ sở thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất hoặc theo chuyên đề về chấp hành quy định của pháp luật về PCCC; đề xuất giải pháp xử lý dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm pháp luật về PCCC; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc khắc phục các hạn chế, tồn tại về PCCC; xử lý các vi phạm quy định về PCCC; giải quyết các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực PCCC trong phạm vi thẩm quyền.

đ) Thực hiện thẩm duyệt thiết kế về PCCC, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư, chủ phương tiện đối với các dự án, công trình xây dựng, các phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn PCCC; cấp các loại giấy phép về PCCC theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện công tác điều tra, xử lý vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn theo quy định pháp luật.

g) Trực tiếp thực hiện hoạt động chữa cháy, xây dựng và thực tập phương án chữa cháy theo quy định.

h) Tổ chức việc nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực PCCC.

i) Thực hiện thống kê về PCCC trên phạm vi toàn tỉnh.

k) Tổ chức hệ thống thông tin quản lý, chỉ huy điều hành hoạt động PCCC.

- l) Kiểm tra hoạt động bảo hiểm cháy, nổ gắn với hoạt động PCCC.
- m) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia các hoạt động quốc tế liên quan đến công tác PCCC theo thẩm quyền.

## 2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về cứu nạn, cứu hộ

Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024; trong đó trọng tâm:

- a) Trong phạm vi quản lý và thẩm quyền của mình ban hành quy định về PCCC và CNCH theo quy định pháp luật.

- b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC trên địa bàn tỉnh.

- c) Chủ trì tổ chức hoạt động cứu nạn, cứu hộ; xây dựng và tổ chức thực tập, diễn tập phương án cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC và các lực lượng khác trong Công an tỉnh.

- d) Tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cứu nạn, cứu hộ.

- đ) Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện dự án đầu tư trang bị phương tiện cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- e) Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ.

- g) Thực hiện báo cáo, thống kê công tác cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi toàn tỉnh.

- h) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về bảo đảm an toàn, phòng ngừa sự cố, tai nạn, các điều kiện phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

## 3. Công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH

- a) Hằng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác PCCC và CNCH, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về PCCC và CNCH phù hợp với đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ tại địa phương.

- b) Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về PCCC và CNCH phù hợp với tình hình địa phương theo đúng thẩm quyền ban hành và bảo đảm tính hợp pháp của văn bản.

- c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PCCC và CNCH tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu trách nhiệm trong chỉ đạo, quản lý, điều hành để xảy ra các vụ cháy, nổ, tai nạn gây hậu quả nghiêm trọng.

đ) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch hạ tầng PCCC tỉnh Đắk Lắk khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn trang bị, quản lý, bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng phương tiện PCCC.

#### 4. Thực hiện công tác PCCC và CNCH

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH tại các cơ sở theo phân cấp quản lý; tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác PCCC và CNCH theo thẩm quyền quản lý; chỉ đạo giải quyết, xử lý dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm pháp luật và không đảm bảo yêu cầu về PCCC trên địa bàn quản lý.

b) Tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác thẩm duyệt thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC.

c) Thường xuyên tham mưu, chỉ đạo tổ chức tập huấn, xây dựng, thực tập phương án, tình huống xử lý sự cố cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ.

d) Xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

đ) Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra thường trực sẵn sàng chữa cháy và CNCH; chủ động lực lượng, phương tiện tổ chức chữa cháy, CNCH hiệu quả các tình huống cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra; chỉ huy công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

e) Thực hiện hiệu quả công tác điều tra làm rõ nguyên nhân các vụ cháy; xử lý nghiêm đối với cá nhân, tổ chức không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, để xảy ra tình trạng vi phạm các quy định về PCCC và CNCH dẫn đến cháy, cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng.

g) Chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH, tăng cường đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.

## 5. Đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH

a) Ưu tiên đầu tư, đảm bảo ngân sách cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định.

b) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các dự án đầu tư trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

### **Điều 7. Sở Xây dựng**

1. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn về xây dựng thực hiện nghiêm việc thẩm định, cấp phép xây dựng đối với các công trình thuộc đối tượng thẩm duyệt thiết kế về PCCC, đặc biệt là các cơ sở chuyển đổi công năng có nguy cơ cháy nổ cao, cơ sở tập trung đông người, công trình công cộng.

2. Tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng, kịp thời phát hiện và xử lý các dự án, công trình vi phạm quy định trong hoạt động xây dựng.

3. Thực hiện theo nhiệm vụ được giao, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương kèm theo văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng trong phạm vi quản lý của tỉnh đối với các loại công trình đặc thù của địa phương khi có yêu cầu cụ thể về quản lý xây dựng, chất lượng công trình cho phù hợp với đặc điểm đặc thù trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 8. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Tùy vào điều kiện, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh và theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn lực để đầu tư đảm bảo đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật về PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh (giao thông nguồn nước, thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo sự cố tại nạn...)

### **Điều 9. Sở Công Thương**

Chỉ đạo Công ty Điện lực Đắk Lắk xây dựng cơ chế quản lý và bảo đảm an toàn điện, nhất là trong lắp đặt, sử dụng các thiết bị điện tại cơ sở, hộ gia đình theo quy định Luật Điện lực, đáp ứng yêu cầu về PCCC.

### **Điều 10. Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Hoàn thiện chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và thoát nạn; kỹ năng phòng chống đuối nước để đưa vào chương trình học tập, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường và cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng cấp học, ngành học.

2. Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho đội ngũ cán bộ giáo viên, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục để đảm bảo điều kiện triển khai hiệu quả Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Chỉ đạo các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về văn hóa tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí (karaoke, vũ trường, quán bar, massage...), cơ sở lưu trú, cơ sở thể thao theo thẩm quyền. Kiểm soát chặt chẽ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, quán bar, massage...

#### **Điều 12. Sở Tài chính**

Căn cứ dự toán của các đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác PCCC và CNCH theo quy định.

#### **Điều 13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tăng cường chỉ đạo công tác PCCC rừng tại các địa phương, nhất là các khu vực trọng điểm về cháy rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng và phát hiện sớm cháy rừng, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả PCCC rừng.

2. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân các địa phương xây dựng thực tập hiệu quả phương án, kế hoạch huy động các lực lượng tham gia công tác PCCC rừng; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về PCCC rừng theo quy định.

#### **Điều 14. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Phối hợp với Công an tỉnh trong công tác thông tin tuyên truyền, đẩy mạnh chuyển đổi số trong PCCC và CNCH; Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử về các dự án, công trình vi phạm quy định pháp luật về PCCC và CNCH để dân nắm bắt.

2. Hướng dẫn các nhà mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh chủ động phối hợp với Công an tỉnh trong việc gửi tin nhắn đến người dân về hướng dẫn các kỹ năng phòng ngừa, xử lý các tình huống cháy, nổ, sự cố trong công tác PCCC và CNCH.

#### **Điều 15. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Hướng dẫn cụ thể chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy theo lệnh triệu tập, huy động của người có

thẩm quyền trong trường hợp bị tai nạn, bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa, bị thương, bị chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; chế độ đối với thành viên đội dân phòng, đội PCCC cơ sở và chuyên ngành khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC; chế độ đối với thành viên đội dân phòng, đội PCCC cơ sở và chuyên ngành khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC bị tai nạn, tổn hại sức khỏe hoặc bị chết.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

#### **1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy**

Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Luật PCCC; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020; Nghị định 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024; trong đó trọng tâm:

- a) Ban hành theo thẩm quyền các quy định về PCCC tại địa phương.
- b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC tại địa phương; xử lý các hành vi vi phạm quy định về PCCC theo thẩm quyền.
- c) Hướng dẫn, chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC cho Nhân dân, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC.
- d) Đầu tư ngân sách cho hoạt động PCCC; trang bị phương tiện PCCC và CNCH.
- đ) Bảo đảm điều kiện về thông tin báo cháy, đường giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy.
- e) Quy hoạch địa điểm, đề xuất cấp đất và xây dựng doanh trại cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.
- g) Chỉ đạo việc xây dựng và thực tập phương án chữa cháy cần huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia.
- h) Chỉ đạo tổ chức chữa cháy và khắc phục hậu quả vụ cháy.

#### **2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về cứu nạn, cứu hộ**

Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024; trong đó trọng tâm:

- a) Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cứu nạn, cứu hộ và thực hiện các quy định của pháp luật về công tác cứu nạn, cứu hộ tại địa phương; xử lý các hành vi vi phạm về cứu nạn, cứu hộ theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo việc tổ chức lực lượng cứu nạn, cứu hộ; đầu tư kinh phí trang bị phương tiện cứu nạn, cứu hộ và duy trì hoạt động của lực lượng cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

c) Định kỳ hàng năm tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ về công tác cứu nạn, cứu hộ; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, diễn tập phương án cứu nạn, cứu hộ tại địa phương và đơn vị mình.

d) Chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức hoạt động cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi địa bàn phụ trách.

đ) Tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về công tác cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi trách nhiệm quản lý.

### 3. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Hằng năm, xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện công tác PCCC và CNCH, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về PCCC và CNCH phù hợp với đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ tại địa phương.

b) Chỉ đạo rà soát, thống kê các cơ sở, khu dân cư trên địa bàn quản lý, nhất là cơ sở, khu dân cư có nguy cơ cháy nổ cao; không bỏ sót, bỏ lọt cơ sở.

c) Chỉ đạo tăng cường thực hiện kiểm tra công tác PCCC và CNCH thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo giải quyết dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm các quy định của pháp luật và không đảm bảo yêu cầu về PCCC và CNCH trên địa bàn quản lý; các cơ sở đưa vào hoạt động trước khi Luật PCCC có hiệu lực hiện không đảm bảo an toàn về PCCC; xử lý các hành vi vi phạm quy định về PCCC và CNCH theo thẩm quyền; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bảo đảm an toàn PCCC và CNCH.

d) Chỉ đạo tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy; tập trung xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến.

đ) Định kỳ tổ chức thống kê, báo cáo công tác PCCC và CNCH tại địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### 4. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về PCCC và CNCH phù hợp với tình hình địa phương theo thẩm quyền và bảo đảm tính hợp pháp của văn bản.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC và CNCH tại địa phương.

c) Tham gia góp ý có chất lượng, hiệu quả dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCCC và CNCH của cấp trên.

## 5. Thực hiện công tác PCCC và CNCH

a) Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, kiểm tra trong công tác PCCC và CNCH theo thẩm quyền quản lý; chỉ đạo giải quyết, xử lý dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm pháp luật và không đảm bảo yêu cầu về PCCC trên địa bàn quản lý.

b) Quản lý tốt đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng gắn với đảm bảo quy định về PCCC và CNCH; kiên quyết tạm đình chỉ, đình chỉ dự án vi phạm pháp luật về PCCC và CNCH cho đến khi khắc phục hoàn toàn các sai phạm; chấm dứt tình trạng cơ sở, công trình xây dựng mới đưa vào sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC.

c) Thường xuyên chỉ đạo tổ chức tập huấn, thực tập phương án, tình huống xử lý sự cố cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ.

d) Bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở làm việc, doanh trại cho các đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH tại địa phương phù hợp với yêu cầu công tác PCCC và CNCH.

đ) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chữa cháy và CNCH hiện đại, phù hợp với tình hình, sự phát triển của đất nước. Huy động mọi nguồn lực hợp pháp (trong đó có hợp tác công tư, xã hội hóa) để mua sắm trang thiết bị PCCC và CNCH.

e) Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH, tăng cường đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.

## 6. Đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH

a) Ưu tiên đầu tư, đảm bảo ngân sách cho hoạt động PCCC và CNCH hằng năm tại địa phương, trang bị xe chữa cháy và các phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng PCCC và CNCH trên địa bàn.

b) Tập trung các nguồn lực để xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, kỹ thuật về PCCC và CNCH (giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo sự cố, tai nạn...).

### **Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

#### **1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy**

Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Luật PCCC; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày

10/5/2024 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; trong đó trọng tâm:

a) Ban hành, chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC; kiểm tra an toàn về PCCC đối với khu dân cư, hộ gia đình, hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh và cơ sở thuộc phạm vi quản lý; xử lý các hành vi vi phạm quy định về PCCC theo thẩm quyền.

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC; xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC.

c) Tổ chức quản lý đội dân phòng tại các thôn, buôn, tổ dân phố.

d) Đầu tư kinh phí cho hoạt động PCCC, trang bị phương tiện PCCC cho các đội dân phòng theo quy định.

đ) Chỉ đạo việc xây dựng và thực tập phương án chữa cháy.

e) Tổ chức chữa cháy và khắc phục hậu quả vụ cháy.

g) Thống kê, báo cáo phòng cháy và chữa cháy đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## 2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về công tác cứu nạn, cứu hộ

Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC; trong đó trọng tâm:

a) Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cứu nạn, cứu hộ và thực hiện các quy định của pháp luật về công tác cứu nạn, cứu hộ tại địa phương; xử lý các hành vi vi phạm về cứu nạn, cứu hộ theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo việc tổ chức lực lượng cứu nạn, cứu hộ; đầu tư kinh phí trang bị phương tiện cứu nạn, cứu hộ và duy trì hoạt động của lực lượng cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

c) Định kỳ hàng năm tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ về công tác cứu nạn, cứu hộ; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, diễn tập phương án cứu nạn, cứu hộ tại địa phương và đơn vị mình.

d) Chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức hoạt động cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi địa bàn phụ trách.

đ) Tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về công tác cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi trách nhiệm quản lý.

## 3. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Hằng năm, xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện công tác PCCC và CNCH, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về PCCC và CNCH phù hợp với đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ tại địa phương.

b) Tổ chức rà soát, thống kê các cơ sở, khu dân cư, hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý.

c) Tăng cường thực hiện kiểm tra công tác PCCC và CNCH đối với khu dân cư, hộ gia đình, hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh và cơ sở thuộc phạm vi quản lý; giải quyết dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm các quy định của pháp luật và không đảm bảo yêu cầu về PCCC và CNCH trên địa bàn quản lý; các cơ sở đưa vào hoạt động trước khi Luật PCCC có hiệu lực hiện không đảm bảo an toàn về PCCC; xử lý các hành vi vi phạm quy định về PCCC và CNCH theo thẩm quyền; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bảo đảm an toàn PCCC và CNCH.

d) Tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC; tập trung xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến tại khu dân cư.

đ) Định kỳ tổ chức thống kê, báo cáo công tác PCCC và CNCH tại địa phương đến Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

### 3. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

a) Tổ chức thực hiện các văn bản về PCCC và CNCH phù hợp với tình hình địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

b) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC và CNCH tại địa phương.

c) Tham gia góp ý có chất lượng, hiệu quả dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCCC và CNCH của cấp trên.

### 4. Thực hiện công tác PCCC và CNCH

a) Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH đối với các cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo phân cấp. Giải quyết, xử lý dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm pháp luật và không đảm bảo yêu cầu về PCCC trên địa bàn quản lý.

b) Thường xuyên tổ chức tập huấn, xây dựng, thực tập phương án, tình huống xử lý sự cố cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ tại các khu dân cư, cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Quản lý, duy trì hoạt động hiệu quả của các đội dân phòng; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC và CNCH, đầu tư trang bị, phương tiện cho đội dân phòng.

d) Chuẩn bị các điều kiện phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân phòng tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả vụ cháy, sự cố, tai nạn theo thẩm quyền.

đ) Huy động mọi nguồn lực hợp pháp (trong đó có hợp tác công tư, xã hội hóa) để mua sắm trang thiết bị PCCC và CNCH.

e) Thực hiện đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH, tăng cường đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.

#### 5. Đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH

a) Ưu tiên đầu tư, đảm bảo ngân sách cho hoạt động PCCC và CNCH hằng năm tại địa phương, trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho đội dân phòng trên địa bàn.

b) Đầu tư kinh phí, huy động các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến theo hướng tự quản về PCCC và CNCH tại khu dân cư.

#### **Điều 18. Đề nghị Đài Phát thanh - Truyền hình Đắk Lắk, Báo Đắk Lắk**

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật về PCCC và CNCH và theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Chỉ đạo tăng cường xây dựng và đăng phát các tin, bài có nội dung tuyên truyền về PCCC; tăng cường thời lượng, ưu tiên bố trí khung giờ tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng PCCC, thoát hiểm, thoát nạn, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, sự cố, tai nạn; mở chuyên mục tuyên truyền thường xuyên về PCCC và CNCH vào các khung giờ vàng để khán giả dễ theo dõi; công khai các dự án, công trình vi phạm quy định pháp luật về PCCC và CNCH trên báo, đài để các cơ quan, tổ chức và người dân cùng tham gia giám sát./.

